

BỘ CÔNG AN**BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2013/TT-BCA

*Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2013***THÔNG TƯ****Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 90/2010/NĐ-CP
ngày 18/8/2010 quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 90/2010/NĐ-CP ngày 18/8/2010 quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (sau đây viết gọn là Nghị định số 90/2010/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 90/2010/NĐ-CP ngày 18/8/2010 quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định cụ thể về thu thập, cập nhật, khai thác và quản lý thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các đơn vị quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;
2. Công an các đơn vị, địa phương;
3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Chương II**THU THẬP, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ THÔNG TIN CỦA CÔNG DÂN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ****Điều 3. Cập nhật thông tin về cư trú và căn cước công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

1. Cơ sở dữ liệu về căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu về cư trú thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an quản lý, được tin học hóa và cập nhật thường xuyên theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có các thông tin về cư trú và căn cước công dân dùng chung sau đây: Ảnh chân dung (chưa thu ảnh chân dung đối với người dưới 14 tuổi); họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp; giới tính; nơi sinh; quê quán; dân tộc; tôn giáo; quốc tịch; số hộ chiếu, ngày cấp, cơ quan cấp; trình độ học vấn; trình độ chuyên môn kỹ thuật; nghề nghiệp, nơi làm việc; tình trạng hôn nhân; nơi thường trú; nơi ở hiện tại; họ và tên, quốc tịch của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; họ và tên chủ hộ, quan hệ với chủ hộ, số sổ hộ khẩu.

Điều 4. Thu thập, cập nhật thông tin của công dân từ Cơ sở dữ liệu về hộ chiếu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Các thông tin của công dân từ Cơ sở dữ liệu về hộ chiếu được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm: Số hộ chiếu, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này được thu thập theo các biểu mẫu trong công tác cấp hộ chiếu hoặc từ Cơ sở dữ liệu điện tử về hộ chiếu.

3. Đơn vị cấp hộ chiếu và quản lý Cơ sở dữ liệu về hộ chiếu có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bộ phận thu thập, cập nhật thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 5. Thu thập, cập nhật thông tin của công dân do các cơ quan, tổ chức hoặc công dân cung cấp

1. Các thông tin của công dân như mã số thuế cá nhân, thẻ bảo hiểm y tế, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghề nghiệp, nơi làm việc, tình trạng hôn nhân do các cơ quan, tổ chức cung cấp được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức với Trung tâm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Công dân có quyền và có trách nhiệm cung cấp, bổ sung thông tin của bản thân để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật.

3. Chủ hộ có trách nhiệm cung cấp, bổ sung thông tin của những người trong hộ để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật.

4. Khi công dân cung cấp các thông tin của bản thân và người trong hộ để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải xuất trình các giấy tờ có giá trị pháp lý làm căn cứ cập nhật, điều chỉnh các thông tin đó.

5. Việc thu thập thông tin do công dân cung cấp thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Số định danh cá nhân

1. Số định danh cá nhân là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số, xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cấp cho mỗi công dân Việt Nam và gắn với người đó từ khi sinh ra đến khi chết, không lặp lại ở người khác, dùng để xác định dữ liệu về căn cước công dân, những dữ liệu khác về công dân, sử dụng trong các giấy tờ giao dịch, đi lại và được cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền để sử dụng trong hoạt động quản lý nhà nước.

Số định danh cá nhân do Bộ Công an thống nhất quản lý trên toàn quốc.

2. Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư thực hiện việc quản lý và cấp số định danh cá nhân theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Điều chỉnh, bổ sung thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được điều chỉnh khi có thay đổi hoặc phát hiện có sai sót, nhầm lẫn và được bổ sung đối với những thông tin còn thiếu.

2. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết gọn là Công an cấp huyện) nơi công dân đăng ký thường trú có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung thông tin của công dân.

Điều 8. Quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về dân cư trong toàn quốc; quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh) quản lý Cơ sở dữ liệu về dân cư của địa phương mình; quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về dân cư tại địa phương và truyền dữ liệu về Trung tâm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thuộc Bộ Công an.

3. Công an cấp huyện quản lý Cơ sở dữ liệu về dân cư tại địa phương mình; chỉ đạo và phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) để thu thập, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và truyền dữ liệu về Trung tâm Cơ sở dữ liệu về dân cư tại Công an cấp tỉnh.

Điều 9. Khai thác, cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư quản lý việc khai thác, cung cấp thông tin, thống kê, tổng hợp các nội dung thông tin về dân cư trong phạm vi toàn quốc.

2. Giám đốc Công an cấp tỉnh quản lý việc khai thác, cung cấp thông tin, thống kê, tổng hợp các nội dung thông tin về dân cư trong phạm vi cấp tỉnh quản lý.

3. Trưởng Công an cấp huyện quản lý việc khai thác, cung cấp thông tin, thống kê, tổng hợp các nội dung thông tin về dân cư trong phạm vi cấp huyện quản lý.

Chương III**TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
TRONG VIỆC THU THẬP, CẬP NHẬT VÀ QUẢN LÝ
CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ****Điều 10. Trách nhiệm của cán bộ, thủ trưởng đơn vị được giao cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

1. Cán bộ được giao nhiệm vụ cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm:

a) Kiểm tra thông tin về công dân, ghi sổ theo dõi, nhập dữ liệu và trả lại tài liệu cho nơi đã giao.

b) Giữ gìn, bảo mật thông tin, tài liệu có liên quan; không sửa chữa, tẩy xóa hoặc làm hư hỏng tài liệu, thông tin và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các dữ liệu đã nhập, thống kê, báo cáo theo quy định.

2. Thủ trưởng đơn vị được giao cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin của công dân được nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Tổ chức cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

c) Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 11. Trách nhiệm của Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Bộ Công an xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành quy trình xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Phối hợp với Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đề xuất mô hình tổ chức, biên chế, chế độ chính sách, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực đáp ứng yêu cầu về cán bộ phục vụ xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên toàn quốc.

4. Phối hợp với Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Cục Tài chính đề xuất bố trí kinh phí, trang cấp các trang thiết bị, phương tiện phục vụ xây dựng và duy trì Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

5. Hướng dẫn, kiểm tra Công an cấp tỉnh trong việc xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý Cơ sở dữ liệu về dân cư tại địa phương.

Điều 12. Trách nhiệm của các Tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ

1. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nhân lực từng bước đáp ứng yêu cầu cán bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên toàn quốc.

2. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội hướng dẫn các đơn vị, địa phương về kỹ thuật, công nghệ trong việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hướng dẫn công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Tổng cục An ninh I có trách nhiệm cung cấp các thông tin về hộ chiếu của công dân quy định tại Nghị định số 90/2010/NĐ-CP cho đơn vị thu thập, cập nhật, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cập nhật thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Các đơn vị có liên quan khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hỗ trợ xây dựng, cung cấp thông tin về dân cư phục vụ việc xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 13. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành ở địa phương xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu về dân cư trên địa bàn tỉnh.

2. Đề xuất đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý Cơ sở dữ liệu về dân cư.

3. Tổ chức lưu trữ, quản lý, khai thác, xử lý thông tin về dân cư tại địa phương.

Điều 14. Trách nhiệm của Công an cấp huyện

1. Triển khai thực hiện Cơ sở dữ liệu về dân cư thuộc Công an cấp huyện quản lý theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Công an cấp tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Cơ sở dữ liệu về dân cư tại địa phương.

2. Tổ chức thu thập, cập nhật thông tin về dân cư vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn Công an cấp xã thu thập, cung cấp thông tin về dân cư cho Công an cấp huyện để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Đề xuất đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại địa phương.

4. Tổ chức lưu trữ, quản lý, khai thác, xử lý thông tin về dân cư tại địa phương.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Thực hiện thu thập dữ liệu cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt của Công an cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này.

2. Khai thác thông tin về dân cư trong phạm vi quản lý của địa phương.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 16. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2013.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng cục trưởng, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG**Đại tướng Trần Đại Quang**

Mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư ban hành kèm theo
Thông tư số 10/2013/TT-BCA ngày 22/02/2013

Tỉnh/thành phố:

Quận/huyện/thị xã:

Phường/xã/thị trấn:

Tổ dân phố:

Thôn/xóm:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN DÂN CƯ

Ảnh chân
dung 4 x 6
(đóng dấu giáp
lai của Công an
xã, phường,
thị trấn)

1. Họ và tên ^(Viết in hoa đủ dấu)

2. Sinh ngày..... tháng..... năm..... 3. Giới tính: Nam Nữ

4. Nơi sinh:

5. Quê quán:

6. Dân tộc: 7. Tôn giáo:

8. Quốc tịch:

9. Số Chứng minh nhân dân:..... ngày cấp:...../...../.....

Nơi cấp:

10. Trình độ học vấn ⁽¹⁾:

11. Trình độ chuyên môn, kỹ thuật ⁽²⁾:

12. Nghề nghiệp hiện tại:

13. Nơi làm việc:

14. Nơi thường trú ⁽³⁾:

15. Nơi ở hiện tại ⁽³⁾:

16. Họ và tên cha ^(Viết in hoa đủ dấu)Quốc tịch:.....

Họ tên mẹ ^(Viết in hoa đủ dấu) Quốc tịch:.....

Họ tên vợ/chồng ^(Viết in hoa đủ dấu)Quốc tịch:

17. Họ và tên chủ hộ ^(Viết in hoa đủ dấu)

Quan hệ với chủ hộ:..... Số sổ hộ khẩu:.....

18. Số Hộ chiếu:..... Ngày cấp:...../...../.....

Cơ quan cấp:

19. Số Thẻ bảo hiểm y tế..... Ngày cấp:...../...../.....

Cơ quan cấp:

20. Mã số thuế cá nhân:

21. Tình trạng hôn nhân: Chưa kết hôn Đã kết hôn Ly hôn

Ghi chú:⁽¹⁾ Ghi rõ trình độ học vấn cao nhất (Tiến sỹ, Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, tốt nghiệp phổ thông trung học, tốt nghiệp phổ thông cơ sở...; nếu không biết chữ thì ghi rõ “không biết chữ”).

⁽²⁾ Ghi rõ chuyên ngành được đào tạo hoặc trình độ tay nghề, bậc thợ, chuyên môn kỹ thuật khác được ghi trong văn bằng, chứng chỉ.

⁽³⁾ Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày tháng năm 20

Xác nhận của
Trưởng Công an xã/phường/thị trấn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Cảnh sát khu vực/
Công an viên**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)